

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 001007393.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý Nhà máy nước Thành phố Lai Châu.  
Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: TP 01**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.660                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 001007393.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.87                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 002007394.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Hệ thống cấp nước thành phố**  
**Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: TP 02**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.580                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 002007394.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.97                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 003007395.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Hệ thống cấp nước thành phố**  
**Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: TP 03**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.550                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 003007395.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.96                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYỀN TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 004007396.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Hệ thống cấp nước thành phố**  
**Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: TP 04**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.590                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 004007396.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.02                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 005007397.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt đầu nguồn Nùng Nàng**  
**Địa chỉ: Phường Quyết Tiến - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: TP 05**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.440                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 8.42                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)                                                | 6.0 - 8.5              |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 005007397.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                    | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 8           | Asen (As) (*) <sup>(s)</sup> / Arsenic (As) (*) <sup>(s)</sup> | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                | 0.01                   |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (<sup>s</sup>) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (<sup>s</sup>) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 006007398.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt Quyết Thắng**  
**Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: TP 06**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.440                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                                                                   | 7.86                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008)                                                | 6.0 - 8.5              |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 006007398.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                    | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 8           | Asen (As) (*) <sup>(s)</sup> / Arsenic (As) (*) <sup>(s)</sup> | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                | 0.01                   |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (<sup>s</sup>) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (<sup>s</sup>) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 007007399.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường  
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: TĐ 07**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.750                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 007007399.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.69                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 008007400.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường  
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: TĐ 08**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.400                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 008007400.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.42                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 009007401.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường  
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: TĐ 09**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.390                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 009007401.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.37                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 010007402.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ  
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: SH 10**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.680                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 010007402.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 6.92                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 011007403.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ  
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: SH 11**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.400                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 011007403.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 6.81                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (s): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 012007404.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ  
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: SH 12**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.320                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 012007404.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 6.70                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
5. (s): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 013007405.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ**  
**Địa chỉ: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: PT 13**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.570                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 013007405.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.09                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 014007406.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ  
Địa chỉ: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT 14**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.510                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 014007406.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.14                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 015007407.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ  
Địa chỉ: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT15**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.410                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 015007407.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2013/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.21                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYỀN TÂN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 016007408.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó**  
**Địa chỉ: Bàn Vàng Bó - Thị trấn Phong Thổ - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: PT 16**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.580                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 016007408.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.47                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUỲNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 017007409.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó  
Địa chỉ: Bàn Vàng Bó - Thị trấn Phong Thổ - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT 17**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.480                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                              | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                              | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 017007409.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.52                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
5. (s): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

HUYỀN TÂN CƯỜNG



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 018007410.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 -Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó  
Địa chỉ: Bàn Vàng Bó - Thị trấn Phong Thổ - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT 18**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.410                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 018007410.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 8.46                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (°): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (°): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 019007411.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Nhà máy nước Ma Lù Thàng  
Địa chỉ: Xã Ma Ly Pho - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT 19**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.630                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 019007411.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.22                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 020007412.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Nhà máy nước Ma Lù Thàng  
Địa chỉ: Xã Ma Ly Pho - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: PT 20**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.540                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 020007412.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.51                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 021007413.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Nhà máy nước Ma Lù Thàng**  
**Địa chỉ: Xã Ma Ly Pho - huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: PT 21**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.460                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 021007413.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.55                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYỀN TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 022007414.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than  
Địa chỉ: Xã Mường Than – huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: Th.U 22**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                          | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.730                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                       | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                        | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                        | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)                                                   | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 022007414.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.70                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 023007415.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than  
Địa chỉ: Xã Mường Than – huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: Th.U 23**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.600                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 023007415.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.64                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 024007416.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than  
Địa chỉ: Xã Mường Than – huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: Th.U 24**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                          | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                          | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.290                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                       | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                        | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                        | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)                                                           | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trung Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y68710168

Mã KQ/ RP. No: 024007416.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.55                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TRẦN TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 025007417.01

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu sau bể xử lý – Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà  
Địa chỉ: Xã Hua Nà - huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: Th.U 25**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.540                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 025007417.01

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method    | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.60                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO<br>10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 026007418.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà**  
**Địa chỉ: Xã Hua Nà - huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu**  
**Mã số mẫu: Th.U 26**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.410                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO<br>7393-2:2017)                                             | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 026007418.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.66                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (<sup>s</sup>) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (<sup>s</sup>) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUYNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 027007419.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/09/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **06/09/2024 - 11/09/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà  
Địa chỉ: Xã Hua Nà - huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu  
Mã số mẫu: Th.U 27**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                            | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                                   | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1           | Coliforms (*)                                                                          | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 3                    |
| 2           | Escherichia coli (*)                                                                   | 0                                | CFU/100mL       | -            | ISO 9308-1:2014                                                                   | < 1                    |
| 3           | Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/<br>Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*) | 0.391                            | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)                                                | 0.2 - 1                |
| 4           | Độ đục (*)/ Turbidity (*)                                                              | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2023                                                                 | 2                      |
| 5           | Độ màu (*)/ Color (*)                                                                  | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 3.33         | SMEWW 2120 C:2023                                                                 | 15                     |
| 6           | Mùi, vị (*) <sup>(s)</sup> / Odor, taste (*) <sup>(s)</sup>                            | Không có mùi, vị<br>lạ           | -               | -            | TS-KT-QP-73:2023 (Ref.<br>SMEWW 2150:2023,<br>SMEWW 2160:2023, TCVN<br>2653:1978) | Không có<br>mùi, vị lạ |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/09/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 3Y687I0168

Mã KQ/ RP. No: 027007419.00

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| 7           | pH (*)/ pH value (*)                        | 7.69                  | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**




**HUỖNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04